BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

LỊCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ I

STT	Mã lớp học phần	Nhóm	Lớp	Tên môn học	Sĩ số	Thứ	Tiết		Phòng học
1	420300301005	2	DHTP19D	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	2	2	6	F6.07
2	420300301005	2	DHTP19D	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	2	7	11	F6.06
3	420300214101		DHDBTP18A	Công nghệ chế biến bánh kẹo	80	2	13	15	V8.03
4	420300301003	1	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	3	2	6	F6.07
5	420300301003	2	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	3	7	11	F6.06
6	420300301003	1	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	3	12	16	F6.06
7	420300301003	2	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	4	2	6	F6.06
8	420300301003	3	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	4	7	11	F6.06
9	420300301003	3	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	5	2	6	F6.06
10	420300301003	4	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	5	7	11	F6.06
11	420300301003	4	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	6	2	6	F6.06
12	420300301005	1	DHTP19D	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	6	7	11	F6.06
13	420300301005	1	DHTP19D	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	6	12	16	F6.06
14	420300301003	1	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	3	2	6	F6.06
15	420300301003	2	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	3	7	11	F6.06
16	420300301003	4	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	5	7	11	F6.06
17	420300301003	4	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	6	2	6	F6.06
18	420300301005	1	DHTP19D	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	6	7	11	F6.06
19	420300301005	2	DHTP19D	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	2	2	6	F6.06
20	420300301003	1	DHTP19B	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	25	3	2	6	F6.06
21	420301776504	1	DHTP20D	An toàn lao động và kỹ thuật phòng thí nghiệm	30	8	2	6	F6.06
22	420301776504	2	DHTP20D	An toàn lao động và kỹ thuật phòng thí nghiệm	30	8	7	11	F6.06
23	420301776505	1	DHTP20E	An toàn lao động và kỹ thuật phòng thí nghiệm	30	7	2	6	F6.06

24	420301776505	2	DHTP20E	An toàn lao động và kỹ thuật phòng thí nghiệm	30	7	7	11	F6.06
25	420301776505	2	DHTP20E	An toàn lao động và kỹ thuật phòng thí nghiệm	27	3	2	6	F6.06
26	420301776504	1	DHTP20D	An toàn lao động và kỹ thuật phòng thí nghiệm	29	2	2	6	F6.06
27	420301776504	2	DHTP20D	An toàn lao động và kỹ thuật phòng thí nghiệm	29	2	7	11	F6.06
28	420301776505	1	DHTP20E	An toàn lao động và kỹ thuật phòng thí nghiệm	27	2	2	6	F6.06
29	420301776504	1	DHTP20D	An toàn lao động và kỹ thuật phòng thí nghiệm	30	3	2	6	F6.06
30	420300214101		DHDBTP18A	Công nghệ chế biến bánh kẹo	80	7	13	15	A3.02
31	429701757701	1	DHTP20A_T	An toàn lao động và kỹ thuật phòng thí nghiệm	40	3	2	6	F5.07
32	420300210804	4	DHTP18B	Phụ gia thực phẩm	20	3	7	11	F5.07
33	420300210801	3	DHDBTP17A	Phụ gia thực phẩm	28	3	12	16	F5.07
34	420300210804	3	DHTP18B	Phụ gia thực phẩm	27	4	2	6	F5.07
35	420300210804	1	DHTP18B	Phụ gia thực phẩm	27	4	7	11	F5.07
36	420301776505	1	DHTP20E	An toàn lao động và kỹ thuật phòng thí nghiệm	27	4	12	16	F6.06
37	420300210801	1	DHDBTP17A	Phụ gia thực phẩm	40	6	2	6	F6.06
38	420300210801	2	DHDBTP17A	Phụ gia thực phẩm	40	6	7	11	F5.07
39	420300210804	2	DHTP18B	Phụ gia thực phẩm	27	6	12	16	F5.07
40	420300214101	2	DHDBTP18A	Công nghệ chế biến bánh kẹo	20	7	2	6	V8.03
41	420300214101	3	DHDBTP18A	Công nghệ chế biến bánh kẹo	21	7	7	11	F5.07
42	420300214101	1	DHDBTP18A	Công nghệ chế biến bánh kẹo	24	7	12	16	F5.07
43	428801483401	1	DHTP19BVL	Phụ gia thực phẩm	40	8	2	6	F5.07
44	428801483401	2	DHTP19BVL	Phụ gia thực phẩm	40	8	7	11	F5.07
45	428801483401	1	DHTP19BVL	Phụ gia thực phẩm	40	4	12	16	F5.07

46	428801483401	2	DHTP19BVL	Phụ gia thực phẩm	40	4	12	16	F5.07
47	420300214101	3	DHDBTP18A	Công nghệ chế biến bánh kẹo	21	5	2	6	F5.07
48	420300214101	1	DHDBTP18A	Công nghệ chế biến bánh kẹo	24	5	7	11	F5.07
49	420300214101	2	DHDBTP18A	Công nghệ chế biến bánh kẹo	20	5	12	16	F5.07
50	429701757701	1	DHTP20A_T	An toàn lao động và kỹ thuật phòng thí nghiệm	40	3	2	6	F5.07